

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/5/2019  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E – TỈNH THANH HÓA

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Thanh  
2. Ông Lê Văn Dũng.

**- Th- ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tân — Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:**

Bà Trần Thị Thuận – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 29/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đ-a vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXX-ST ngày 13/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A** – Sinh năm 1991

Địa chỉ: C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh **Lê Thanh B** - Sinh năm 1988

Địa chỉ: C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh B, chị A.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 21/01/2019 và bản tự khai nguyên đơn chị **Nguyễn Thị A** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh B kết hôn với nhau ngày 15/3/2017, việc kết hôn là do chị và anh B tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa và đã được UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau được một thời gian khoảng được 01 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn bất đồng quan điểm và cách sống, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, ngày càng rạn nứt và căng thẳng hơn. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng

nên từ ngày 20 tháng 10 năm 2018 đến nay chị mang con về bên mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống, mỗi người sống mỗi nơi, vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai.. Nay chị xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh **B** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **B**.

Về con chung: chị và anh **B** có 01 con chung là Lê Gia **Q** - Sinh ngày 03/11/2017. Khi chị và anh **B** ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và chị yêu cầu anh **B** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH ViệtPan – Pacific với thu nhập ổn định hàng tháng là 5.000.000đồng.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn anh Lê Thanh **B** trình bày:*

*Về hôn nhân:* Anh **B** thống nhất nh- ý kiến của chị **A** về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Nay chị **A** có đơn khởi kiện xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị **A**.

*Về con chung:* Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** về số con chung, tên tuổi của cháu. Ly hôn, anh đồng ý về việc giao con cháu Hân cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nếu chị **A** không nuôi được thì anh có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị **A** cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay anh đang làm công nhân đóng tàu của Bộ quốc phòng với thu nhập ổn định hàng tháng là 9.000.000đồng.

*Về tài sản, công nợ chung:* Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại biên bản thu thập chứng cứ tại nơi cư trú – Trưởng c, xã **D** cung cấp như sau:* Anh Lê Thanh **B** và chị Nguyễn Thị **A** kết hôn với nhau vào năm 2017, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **D**, huyện **E** vào ngày 15/3/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà bố mẹ đẻ anh **B** ở cùng c, xã **D**, huyện **E**. Quá trình vợ chồng chung sống địa phương nắm được có phát sinh mâu thuẫn do quan điểm và cách sống không hợp nhau; còn anh chị không báo cáo gì về mâu thuẫn với địa phương. Hiện nay chị **A** đã về bên ngoại cùng thôn sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau. Nay chị **A** có đơn xin ly hôn anh **B**, quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ nuôi dạy con cái. Nếu chị **A** cương quyết xin ly hôn anh **B** thì đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 01 con chung. Nếu tr- ờng hợp anh chị phải ly hôn, do cháu còn bé nên cần được sự chăm sóc của người mẹ, nên đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về tài sản, công nợ chung: Địa phương không nắm được.

*\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ- ọc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Các đ- ơng sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị

HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đưa ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1, Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị **A** và anh Lê Thanh **B**.

- Về con chung: Giao cháu Lê Gia **Q** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **B** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung từ 1.000.000đồng đến 1.500.000đồng/tháng kể từ tháng 06/2019 cho đến khi cháu thành niên.

- Về án phí: Chị **A** phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh **B** phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng định kỳ.

Tại phiên tòa hôm nay chị **A** vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện; anh **B** vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

**[2]Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị **A** và anh Lê Thanh **B** kết hôn với nhau từ năm 2017, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị **A**, anh **B** và tại phiên tòa đều thấy rằng: Anh chị đều nại là quan điểm và tính cách sống không hợp nhau. Từ tháng 10/2018 đến nay anh chị sống mỗi người một nơi và sống ly thân nhau, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai.

Xét tình cảm của anh chị thực tế không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn được, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị **A** có yêu cầu xin ly hôn, anh **B** cũng đồng ý. Xét việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ điều 55 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **A** và anh **B**.

**[3]Về con chung:** Chị **A** và anh **B** có 01 con chung: Cháu Lê Gia Hân – sinh ngày 03/11/2017. Ly hôn, chị **A** có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh **B** cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng. Anh **B** đồng ý về việc giao con cháu Hân cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nếu chị **A** không nuôi được thì anh có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị **A** cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nguyện vọng của anh chị là hoàn toàn chính đáng, nhưng việc giao con cho ai nuôi phải dựa trên quy định của pháp luật và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của cháu. Trên cơ sở các tài liệu, chứng

cứ có trong hồ sơ vụ án thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm cháu **Q** chưa đủ 03 tuổi. Vì vậy căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a mục 11 Nghị quyết 02/2000/NQ – HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc giao cháu Hân cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện nay anh **B** đang làm công nhân của Bộ quốc phòng với thu nhập ổn định hàng tháng là 9.000.000đồng; chị **A** yêu cầu anh **B** cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng, hiện nay chị cũng đang làm công nhân với mức thu nhập ổn định hàng tháng là 5.000.000đồng, xét việc cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cả chị **A** và anh **B** nên chấp nhận một phần yêu cầu của chị **A** là buộc anh **B** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 06/2019 cho đến khi cháu Hân thành niên là phù hợp với thực tế và đồng thời bảo đảm được sinh hoạt cá nhân của anh chị.

**[4]Về tài sản, công nợ chung:** Anh **B**, chị **A** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

**[5]Về án phí:** Chị Nguyễn Thị **A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Lê Thanh **B** phải chịu án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

**Vì những lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị **A** và anh Lê Thanh **B**.

2. Về con chung: Cháu Lê Gia **Q** - sinh ngày 03/11/2017 là con chung của chị Nguyễn Thị **A** và anh Lê Thanh **B**. Giao cháu Hân cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **B** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 06/2019 cho đến khi cháu thành niên

Anh **B** có quyền thăm nom con chung không ai đ-ợc cản trở.

3. Về án phí: □p dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị **A** phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nh-ng đ-ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0002086 ngày 21/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện **E**, chị **A** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Thanh **B** phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng định kỳ.

*Ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng*

*chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. Về quyền kháng cáo: Chị **A**, anh **B** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Các đ-ơng sự;
- VKS huyện **E**;
- THA huyện **E**;
- UBND xã **D**;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc Lâm**



## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**















